

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2018

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Thạch;

Ông Đinh Hữu Cải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 596/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phún Dương M, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Số 333, tổ 13, ấp C 2, xã X, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị M có mặt; anh N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phún Dương M trình bày:

Chị và anh N sống chung với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 17-12-2012, hôn nhân tự nguyện; trong thời gian chung sống anh N thường xuyên uống rượu và chơi đánh bạc, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh N không sửa đổi, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau dẫn đến anh Nghĩa đánh chị nhiều lần và

vợ chồng đã ly thân cách nay hơn 01 năm, chị và anh N không ai quan tâm đến ai, nay chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 người con tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 13-11-2013, hiện cháu đang sinh sống ổn định cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không yêu cầu anh N phải đóng góp nuôi con với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Lời khai tại các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân, sau khi vợ chồng ly thân anh có đến thăm con nhưng gia đình chị M ngăn cản nên xảy ra xô xát giữa anh với cha vợ. Nay chị M yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Anh thống nhất vợ, chồng có 01 người con, họ tên, ngày tháng, năm sinh như chị M trình bày, cháu hiện đang sống với chị M, nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị M phải đóng góp cùng anh nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phún Dương M đối với anh Nguyễn Văn N;

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 13-11-2013 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh N phải đóng góp cùng chị nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị M, anh Nghĩa không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Phún Dương M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Phún Dương M và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nghĩa không đồng ý ly hôn với chị M với lý do còn thương vợ, thương con, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh N thừa nhận từ khi sống chung, anh và chị M có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thậm chí có lần vợ chồng xảy ra xô xát, đánh đập nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai nên Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống giữa chị M và anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân giữa anh, chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, do đó chị M yêu cầu ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phún Dương M đối với anh Nguyễn Văn N.

[3] Về nuôi con chung: Chị M và anh N có 01 người con tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 13-11-2013, hiện cháu đang chung sống ổn định cùng với chị M. Xét yêu cầu được quyền nuôi cháu T của chị M và anh Nghĩa thấy rằng, từ khi vợ chồng ly thân chị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T phát triển và sinh sống ổn định; mặt khác cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 13-10-2013 cho đến khi xét xử sơ thẩm cháu T được 04 tuổi 05 tháng còn quá nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và hiện nay chị M cũng có việc làm, mức lương thu nhập ổn định nên xét thấy điều kiện về quyền nuôi con của chị M đảm bảo hơn so với anh N, do đó căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M không yêu cầu anh Nghĩa phải đóng góp cùng chị nuôi cháu T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận Chị M, anh N không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phún Dương M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phún Dương M và anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 13-11-2013 cho chị Phún Dương M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh N phải đóng góp nuôi con cùng chị.

Anh Nghĩa có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị M và anh N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phún Dương M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số **0024858 ngày 13 tháng 11 năm 2017** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, Tây Ninh; chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Phún Dương M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc